TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-PT
Ngày 18/3/2024
"*V/v tranh chấp quyền sử dụng đất*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- TH1nh phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ưng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Hữu và ông Nguyễn Hồng Chương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Mừng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 18 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ L số 100/2023/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 111/2023/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Đặng Thanh H, sinh năm 1980 và bà Trần Thị Hồng Thiên L, sinh năm 1988.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Hồng Thiên L: Ông Đặng T H, cùng địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đặng T H: Ông Hồ Văn Ng, sinh năm 1989 - Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH H và Cộng sự, địa chỉ: 5/1, KP 4, P. Q, TP. B, tỉnh Đồng Nai – Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1957 và bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1961, cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Đều có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Nguyễn Quang Tr - Có mặt và chị Nguyễn Thị Thu H1 – Vắng mặt, cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Anh Nguyễn Quang Th – Có mặt và chị Văn Thị T2 – Vắng mặt, cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

+ Bà H2 và Y T, cùng địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Ông Điểu D, sinh năm 1957 (tên gọi khác: Ma SRi), địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

+ Ông Nguyễn Quang Th1, địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Điểu K (đã chết) và bà B R (đã chết).

Người đại diện: Anh Điểu N (con trai), địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Ông Điểu J (tên gọi khác: Ma Ni), địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- Những người tham gia tố tụng khác: *Những người làm chứng:*

+ Ông Điểu Nh, địa chỉ: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Ông Vũ Đình Đ, ông Trần Văn Kh, ông Đặng Văn Đ, ông Trần Văn Kha L, ông Trịnh Khắc Kh, ông Vũ Đình Ph, ông Trần Ngọc C, ông Vũ Đình H3, ông Hoàng Đình L, ông Nguyễn Văn Â, ông Trịnh Văn T3, bà Nguyễn Hồng D, ông Nguyễn Công V, bà Trịnh Thị V2, ông Trần Văn K3, cùng địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

+ Ông Điểu M, địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Do có kháng cáo của Ông Đặng Thanh H là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng như Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Năm 2002 ông H có nhận chuyển nhượng của ông Y Ng (tên thường gọi Ma Krao) (đã chết) vợ là bà H' D, trú tại Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông 01 lô đất có diện tích khoảng 8000m^2 với giá thỏa thuận 100kg gạo (khoảng 300.000 đồng), phần đất khai hoang thêm là 2.809m^2. Tổng diện tích là 10.899m^2 có tứ cận: phía Đông giáp rẫy ông Â dài 128,99m, phía Tây giáp đất rẫy ông T dài 131,28m, phía Nam giáp suối dài 78,67m, phía Bắc giáp đất rẫy ông Đ dài 75,37m thửa đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ 133 tọa lạc tại thôn Đắk Tiên 1, xã Đắk N'Drung, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Qúa trình sử dụng thì trồng màu và gừng trên diện tích đất khoảng 2000m^2, phần giáp với đất ông Â, năm 2004 trong lúc khai hoang mảnh đất thì đã bị Lâm trường bắt bị đẫn về trụ sở Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đ để xử phạt hànhchính với mức tiền là 500.000đồng (hiện không xin được hồ sơ). Năm 2006 ông T xin làm con đường để xuống rẫy thì ông H không đồng ý, ông T đe dọa rằng, "nếu không cho thì lấy hết luôn". Do tranh chấp với ông T nên ông H đã làm đơn lên thôn yêu cầu giải quyết, ông T đòi chia đôi phần tranh chấp nhưng ông H không

đồng ý, do hòa giải không thành, nên thôn đã chuyển hồ sơ chuyển lên xã Đ giải quyết. Do khi đó đang đất lâm nghiệp nên UBND xã đề nghị các bên giữ nguyên hiện trạng đất tranh chấp, không ai được làm chờ giải quyết (hồ sơ hiện nay đã thất lạc có xác nhận của ông Điểu G cán bộ tư pháp lúc bấy giờ tham gia hòa giải).

Năm 2016 UBND tỉnh có chủ trương cấp giấy chứng nhận tập trung cho người dân, bản đồ thửa đất được chuyển về nhà ông L, lúc bấy giờ ông H mới phát hiện ra mảnh đất của ông đang tranh chấp với ông T đã bị ông T tự nhận và đứng ra làm giấy chứng nhận. Năm 2016 ông T trồng khoảng 200 trụ tiêu trên đất tranh chấp, sau khi phát hiện ông đã gửi đơn lên chính quyền địa phương yêu cầu giải quyết, trong lúc hòa giải ở xã Đ thì ban hòa giải cho biết là đất đang tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông T, bà Đ.

Nhận thấy ông T tự ý lấy đất của ông để được cấp giấy chứng nhận và trồng cây tiêu trên đất trong khi đất này đang tranh chấp là không đúng pháp luật. Vì vậy, ông H đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà Đ phải trả cho vơ chồng ông H diện tích đất đã lấn chiếm là 10.809m^2 có tứ cận: phía Đông giáp rẫy ông Â dài 128,99m, phía Tây giáp đất rẫy ông T dài 131,28m, phía Nam giáp suối dài 78,67m, phía Bắc giáp đất rẫy ông Đ dài 75,37m thửa đất thuộc thửa số 32, tờ bản đồ 133 tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ trình bày: Nguồn gốc lô đất ông H và bà L tranh chấp là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng bằng giấy viết tay của nhiều người, cụ thể: Ngày 10/3/2001 nhận chuyển nhượng của ông Ma Ni 01 lô đất rẫy khoảng 2.000m^2 (2 sào), có trưởng thôn M và người làm chứng là Điểu N ký xác nhận; ngày 17/7/2001 nhận chuyển nhượng của ông Điểu K khoảng 3.000m^2 (03 sào), việc mua bán có trưởng thôn M và người làm chứng là anh N'C ký xác nhận. Phần còn lại là đầu năm 2000 đổi cho ông M 01 dàn Karaokê lấy 1,7 ha đất trong diện tích đất này có khoảng hơn 5 sào (5000m^2) nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, số còn lại 1,2 ha đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không tranh chấp. Năm 2005 gia đình ông T về quê thì nghe anh Y T nói còn đất khoảng 2 đến 3 sào gì đó bên đất ông T, nên anh H phát trồng gừng mới xảy ra tranh chấp, anh H gửi đơn lên thôn yêu cầu hòa giải diện tích tranh chấp là 25 m chiều rộng giáp suối (diện tích khoảng 2.000m^2). Do anh H đòi chia đôi, ông T không đồng ý, L do đất ông T nhận chuyển nhượng có nguồn gốc, thời gian nhận chuyển nhượng năm 2001, còn anh H khai hoang một phần và nhận chuyển nhượng từ năm 2002 của ông Y Ng, hiện giấy tờ đã bị thất lạc, nhờ con trai ông Y Ng xác nhận lại là anh Y T). Tuy nhiên, tại biên bản cam kết có ông Y Ng tham gia giải quyết phần đất ông H trồng gừng trên phần đất ông Ma Ni chuyển nhượng cho ông T thể hiện nội dung: Anh H có trách nhiệm trả 20.000.000 đồng, trả lại cho Ma N (là chủ đất cũ), có Y Ng cùng tham gia. Nên căn cứ các giấy chuyển nhượng, các biên bản hòa giải liên quan đến đất trồng gừng mà một số người làm chứng khai diện tích khoảng 2 sào, ông T và bà Đ khẳng định anh H không có đất tại đó, mà phần đất của ông H là liền kề đã chuyển nhượng cho người khác, hiện ông Ân là hộ liền kề đang sử dụng. Từ năm 2006 đến nay ông T là người sử dụng trồng màu,

đến năm 2010 đã cho con làm đến năm 2016 các con ông T trồng cà phê và tiêu. Năm 2014 ông T kê khai đo đạc, hiên nay đã được cấp giấy chứng số CD 230978 ngày 02/9/2016, do UBND huyện Đ cấp, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ 133, diện tích 10.809m^2, tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, ông T và bà Đ đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ *Anh Nguyễn Quang Tr và chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:* Năm 2010 ông T và bà Đ (là bố mẹ) cho vợ chồng anh diện tích đất rẫy khoảng 6 sào (6.000m^2), phía dưới giáp em trai, phía bắc giáp chú Ân; phía tây giáp đất ông Điệp, phía nam giáp đất ông T. Vợ chồng anh đã trồng khoảng 200 trụ tiêu và cà phê. Hiện nay đề nghị Tòa án căn cứ vào nguồn gốc và chứng cứ để giải quyết theo quy định pháp luật. Do đất đang đứng tên ông T và bà Đ nên không có ý kiến hay phản tố gì về tài sản trên đất, căn cứ bản án của Tòa án trên cơ sở đó giữa gia đình anh và ông T giải quyết với nhau theo quy định.

+ *Anh Nguyễn Quang Th, chị Vũ Thị T2 trình bày:* Năm 2010 ông T, bà Đ (bố mẹ anh Th) cho anh Thdiện tích đất rẫy khoảng 5000m^2, vị trí: Phía dưới giáp suối tự nhiên, phía bắc giáp chú Ân, phía trên giáp đất anh Tr, phía Nam giáp đất ông T; anh Th có trồng khoảng 200 trụ tiêu dọc từ trên xuống phía đất giáp ông T, phần đất còn lạihiện đã trồng cà phê. Ý kiến anh (chị) căn cứ vào nguồn gốc và chứng cứ để giải quyết theo quy định pháp luật. Do đất đang đứng tên ông T và bà Đ nên không có ý kiến hay phản tố gì về tài sản trên đất, căn cứ bản án của Tòa án trên cơ sở đó giữa gia đình anh Th và ông T giải quyết với nhau theo quy định.

+ *Anh Nguyễn Quang Th1 trình bà*y: Nguồn gốc đất của ông Th1 là do ông T, bà Đ nhận chuyển nhượng của ông Điểu K diện tích đất khoảng 3.000m^2 đất tọa lạc tại thôn Đ, sau đó ông T, bà Đ tặng cho anh Th1, không có giấy tờ gì, vì thời gian đã lâu anh không nhớ rõ tứ cận, anh chỉ biết thửa đất của anh được cho giáp với phần đất mà ông T, bà Đ mua từ ông Ma S. Sau khi được tặng cho anh cũng không sử dụng đến năm 2008 thì anh bán lại cho ông T, bà Đ số tiền 20.000.000 đồng, sau khi bán xong thì anh không biết ông T, bà Đ sử dụng như thế nào, nên căn cứ giấy tờ Tòa án giải quyết theo pháp luật.

+ *Bà H2 và anh Y T trình bày*: Năm 1998 gia đình bà khai hoang diện tích đất khoảng 02 ha tại khu vực hang dơi Long R, thuộc thôn Bon B(nay là thôn Đ, xã Đ, huyện Đ), trồng màu được mấy mùa thì năm 2002 bán 01 phần đất khoảng 3 đến 4 sào đất sạch cho anh H, còn lại phía trên là đất chồi chưa dọn, phần bên kia suối bán cho ông T khoảng 01 ha giá tiền không nhớ. Còn phần đất giáp với đất bán cho anh H thì gia đình cho Ma Svà Ma Nphát dọn. Do anh H nói rằng giấy tờ đã mất nên ngày 15/4/2014 anh H viết giấy nhờ xác nhận lại.

Ông Điểu J (MaSri) trình bày: Năm 1999 thì gia đình ông khai hoang diện tích đất khoảng 1,7 ha tại khu vực hang dơi Long R, thuộc thôn Bon B, trồng màu được mùa thì năm 1999 cho ông T, tứ cận phía dưới giáp suối phía trên giáp rừng,

giáp Điểu Keo. Vị trí đất giao cho ông T sử dụng đúng với diên tích hồi xưa ông giao cho ông T.

Anh Điểu N người đại diện cho ông Điểu K (đã chết) và bà B R (đã chết) trình bày: Việc chuyển nhượng đất của bố mẹ anh thời điểm đó như giấy tờ ông T cung cấp là đúng, anh được các anh (chị) em trong gia đình xác nhận và chỉ đất đo đạc phần đất mà bố mẹ anh chuyển nhượng cho ông T. Căn cứ chứng cứ Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Ông Ma N trình bày: Ông có 01 lô đất diện tích khoảng 2.000m^2, tại khu vực Long R, đã sang nhượng cho ông T, khi xảy ra tranh chấp đã vào cắm mốc và giải quyết với ông H như bản cam kết thể hiện ngày 10/4/2006, thành phần tham gia có ông Y Ng (Ma Krao) tham gia và các thành phần khác như biên bản thể hiện. Căn cứ nguồn gốc gia đình đã xác nhận lại cho ông T ngày 23/10/2016 như nộp cho Tòa án. Căn cứ chứng cứ Tòa án giải quyết theo pháp luật.

**Những người làm chứng:*

+ *Ông Trần Văn Kha L trình bày*: Ông không biết nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp giữa ông H, bà L và ông T, bà Đ nhưng trước đó vào năm 2003 đến năm 2004 thì ông là người đổi công cho ông H trên diện tích đất đang tranh chấp. Khi đổi công thì trên diện tích đất trên chỉ có trồng màu chứ chưa có trồng cây lâu năm diện tích lúc đó khoảng 2-3 sào.

+ *Ông Vũ Đình Ph trình bày*: Năm 2003 đến năm 2004 thì ông có biết ông H, bà L mua đất của ông Ma K, ông chỉ biết có sự việc mua bán giữa đôi bên với nhau còn cụ thể diện tích đất hai bên thỏa thuận như thế nào thì ông không rõ. Đến năm 2003, 2004 là người đổi công cho ông H trên diện tích đất đang tranh chấp, chỉ khoảng 2-3 sào. Khi đổi công thì trên diện tích đất trên chỉ có trồng màu chứ chưa có trồng cây lâu năm đến năm 2005, 2006 thì hai bên xảy ra tranh chấp đã được thôn hòa giải nhưng không thành.

+*Anh Điểu Nh trình bày*: Ông là con rể của ông Ma N, bố vợ ông là người bán cho ông T diện tích đất khoảng 2 sào không nhớ năm, không nhớ tứ cận chỉ nhớ một mặt giáp suối còn lại giáp ai không biết.

+ *Ông Vũ Đình Đ trình bày*: Năm 2003 ông H dọn vườn tại phần đất tranh chấp đến năm 2004 thì ông H trồng gừng khoảng 2 sào (2000m^2), còn nguồn gốc ông H mua của ai thì ông không biết, năm 2005 ông H trồng gừng, gừng ông H xấu lúc đó ông T kế bên có gừng đẹp nên ông H đi nhổ trộm về trồng và bị phạt 2.500.000 đồng, năm 2010 khi tỉnh về đo đạc thì do đất ông H và ông T tranh chấp nên thôn đề nghị dừng lại không cho làm sổ đỏ và hòa giải từ năm 2006, còn việc ông T được cấp sổ đỏ và sử dụng như thế nào ông không biết, đường đi giữa đất tranh chấp do ông T tự mở, ông H có thửa đất khác đã bán cho ông Ân kế bên đất tranh chấp.

+*Ông Trần Văn K trình bày*: Ông làm xóm trưởng tự quản thời điểm năm 2000, chúng tôi có tham gia giải quyết tranh chấp đất giữa ông T năm 2005 anh H

trồng gừng, anh H đi nhổ trộm về trồng và bị phạt 2.500.000 đồng, năm 2010 khi tỉnh về đo đạc thì do đất anh H và ông T tranh chấp nên thôn đề nghị dừng lại không cho làm sổ đỏ, còn việc ông T được cấp sổ đỏ và sử dụng như thế nào tôi không biết, tại bản cam kết ngày 10/4/2006 thì tôi có ký vào đó nhưng ký tại nH1 ông T, lúc đó không có anh H, có Y Ng, Ma N, Ma S và ông T, thì do không có anh H nên lập vậy chứ không ra thực địa.

+ *Ông Nguyễn Văn Nh trình bày*: Ông có họ hàng với anh H, chúng tôi có tham gia giải quyết tranh chấp đất giữa ông T năm 2005 anh H trồng gừng, anh H đi nhổ trộm về trồng và bị phạt 2.500.000 đồng, năm 2010 khi tỉnh về đo đạc thì do đất anh H và ông T tranh chấp nên thôn đề nghị dừng lại không cho làm sổ đỏ, còn việc ông T được cấp sổ đỏ và sử dụng như thế nào tôi không biết, tại bản cam kết ngày 10/4/2006 thì tôi có ký vào đó nhưng ký tại nH1 ông T, lúc đó không có anh H, có anh Nh, Ma N, Ma S, Y Ng và ông T, thì do không có anh H nên lập vậy chứ không ra thực địa.

+ *Ông Đặng Văn Đ trình bày*: Năm 2000 tôi làm rẫy gần diện tích anh H ông T hiện nay đangtranh chấp, năm 2005 tôi có phụ trồng gừng cho anh H trên diện tích đất tranh chấp khoảng 2-3 sào, năm 2006 thì hai bên xảy ra tranh chấp còn việc mua bán như thế nào tôi không rõ.

+ *Ông Nguyễn Văn n* trình bày: Năm 2005 ông nhận chuyển nhượng đất rẫy của ông Thông và về sử dụng ổn định, đã được cấp giấy chứng nhận. Khi mua rẫy thì đã có hàng mít, ông Th chỉ ranh và sử dụng từ đó đến nay. Ông là người có rẫy giáp ranh với đất ông T và ông H đang khởi kiện tại Tòa án. Nguồn gốc đất gia đình tôi đang sử dụng hiện nay là mua của ông Ma B, ông Ma B nhận chuyển nhượng từ ông Th, ông Th nhận chuyển nhượng từ ông Ph và ông H. Phần đất gia đình đang sử dụng hiện nay là đất của ông H. Phần đất này anh H chuyển nhượng cho ông T, ông T chuyển nhượng cho ông Â. Hiện ranh giới đất của ông Â giáp với ông T, các bên có đường ranh rộng đi từ trên xuống hết rẫy, không ai tranh chấp, anh H có trồng gừng trên diện tích khoảng hơn 1 sào, giáp với đất gia đình ông Ân, theo thực địa chỉ ranh thì phần đất này là thuộc phần đất Ma N chuyển nhượng cho ông T.

+ *Các ôngTrịnh Văn Th, bà Trần Hồng D, anh Nguyễn Công V, chị Trần Thị V:* Từ năm 2003 đến năm 2004 các ông (bà) có đổi công gồm phát dọn rẫy, trồng bắp, trồng gừng và một số mua gừng của ông H. Còn việc nguồn góc đất ông H do đâu mà có, tại sao xảy ra tranh chấp thì không biết.

+ *Ông Hoàng Đình L và ông Trần Ngọc Ch*: Nguồn gốc đất các đương sự trong vụ án đang tranh chấp do đâu mà có thì các ông không biết. Tuy nhiên, năm 2006, ông H gửi đơn ra thôn giải quyết tranh chấp, khi đó ông T có thỏa thuận chia đôi để trả tiền công dọn rẫy. Tuy nhiên ông H không đồng ý. Tại thời điểm đó các ông giải quyết không ra thực địa kiểm tra nên không rõ phần đất tranh chấp, cũng không kiểm tra chứng cứ nên không biết nguồn gốc. Ngoài ra không trình bày gì thêm.

Tại bản án số: 46/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đã tuyên xử:

1.Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Thanh H và bà Trần Thị Hồng Thiên L.

Buộc ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ trả lại diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo đạc, diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CD 230978 ngày 09/9/2016, thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ 133, đất tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đg, tỉnh Đắk Nôngcó diện tích là 10.809 m^2và di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại nguyên hiện trạng cho ông H và bà L.

Vị trí các cạnh:

Phía Đông giáp đường đi dài 76,4 m

Phía Nam giáp đất ông Â dài 171,29 m.

Phía Tây giáp suối dài 78,66 m

Phía Bắc giáp đất ông T dài 128,99 m.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2023 ông Đặng Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn hỗ trợ số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* tiền khai phá, phát dọn diện tích hơn 2.000m^2 và nguyên đơn sẽ để ông T, bà Đ được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 133, đất tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông có diện tích là 10.809 m^2, thời hạn trả tiền vào ngày 18/3/2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng thì mỗi bên chịu một nữa. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và đồng ý trả hỗ trợ cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và hạn trả vào ngày 18/3/2024. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất mỗi bên chịu 50% án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét thấy sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa về khoản tiền phải trả là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo Đ xã

hội. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Đặng Thanh H kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn xác định diện tích đất tranh chấp với ông H chỉ có 2.000m^2 đất trồng gừng và xảy ra tranh chấp theo Biên bản hòa giải tại thôn ngày 01/6/2006. Nguyên đơn xác định phần đất nguyên đơn trồng gừng từ năm 2006 có diện tích khoảng 2.000m^2 và đề nghị bị đơn hỗ trợ tiền công khai phá, phát dọn với số tiền 70.000.000 đồng *(Bảy mươi triệu đồng)*. Bị đơn chỉ đồng ý hỗ trợ, chia sẽ cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Sau khi Hội đồng xét xử hòa giải các bên đương sự đã tự nguyên thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Cụ thể: Bị đơn đồng ý hỗ trợ số tiền 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng)* và nguyên đơn đồng ý để bị đơn được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 10.809 m^2, tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 133, đất tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nH1 ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CD 230978 ngày 09/9/2016 do Ủy ban nhân dân huyện Đcấp cho ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ, thời hạn trả tiền vào ngày 18/3/2024 tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng thì mỗi bên chịu một nữa. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Xét thấy, việc tự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 18.248.000 đồng (*Mười tám triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Do ông H, bà L đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H, bà L số tiền 9.124.000 đồng do các bên đã thỏa thuận mỗi bên chịu 50% chi phí tố tụng. Ghi nhận bị đơn đã hoàn trả xong cho nguyên đơn số tiền 9.124.000 đồng.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thanh H và bà Trần Thị Hồng Thiên L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch là 1.250.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông T, bà Đ đã nộp tạm ứng. Ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch.

[6]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản L và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Sửa bản án sơ thẩm số: 46/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đăk Nông, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ đồng ý hỗ trợ cho ông Đặng Thanh H và bà Trần Thị Hồng Thiên L số tiền 50.000.000 đồng (Đã thực hiện xong nghĩa vụ trả tiền tại phiên tòa).

- Ông Đặng Thanh H và bà Trần Thị Hồng Thiên L đồng ý để Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất 10.809 m^2, tại thửa đất số 32, tờ bản đồ 133, đất tọa lạc tại thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất số CD 230978 ngày 09/9/2016 do Ủy ban nhân dân huyện Đắk Song cấp cho ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ.

2. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 18.248.000 đồng (*Mười tám triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng*). Do ông H, bà L đã nộp tạm ứng số tiền này nên ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông H, bà L số tiền 9.124.000 đồng. Ghi nhận bị đơn đã hoàn trả xong cho nguyên đơn số tiền 9.124.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: + Ông Đặng Thanh H và bà Trần Thị Hồng Thiên L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch là 1.250.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng theo biên lai số 004130 ngày 03/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

+ Ông Nguyễn Quang T và bà Đặng Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.250.000 đồng và 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Quang T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số 0001360 ngày 09/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ,

tỉnh Đăk Nông.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đăk Nông;
- TAND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Anh Ửng